

**Phụ lục 1**  
**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ**  
**THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

*(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

UBND XÃ NINH CƯỜNG  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC TRỰC CƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Số: 13/BC-THTC

Ninh Cường, ngày 10 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Thường niên Trường Tiểu học Trực Cường**  
**Năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Tiểu học thị trấn Ninh Cường báo cáo thường niên năm 2024 của nhà trường cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên trường: Trường Tiểu học xã Trực Cường, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình thành lập năm 1989 được tách ra từ trường cấp I, II Trực Cường.

2. Trường Tiểu học Trực Cường có số điện thoại 02283884314, địa chỉ hòm thư điện tử: tcuong.thtn@gmail.com. Trụ sở chính đóng Thôn An Khang, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình

3. Trường Tiểu học Trực Cường, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình là loại hình trường công lập. Cơ quan chủ quản: UBND xã Ninh Cường.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường Tiểu học Trực Cường.**

a) Sứ mạng:

Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

b) Tầm nhìn:

Trở thành một hệ thống trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Đồng thời giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên tự tin trong sự phát triển mở cửa của đất nước.

Trường Tiểu học Trực Cường luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình để trở thành ngôi trường tiên phong cho việc

nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục Quốc gia Việt Nam. Duy trì và phấn đấu trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

c) Mục tiêu:

- Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học – sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt Pháp luật – kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

- Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học sinh vùng nông thôn; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học tập, bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường.

- Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa nhà trường qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “ Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “ Xanh - Sạch - Đẹp” môi trường sư phạm lành mạnh bên trong và xung quanh nhà trường; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong trường; hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học sinh ở trường, ở nhà; học tập theo nhóm, tổ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, NGLL để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

- Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; ứng dụng tích cực CNTT trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực từ nội tại và bên ngoài nhà trường trong đó chủ yếu là nguồn nội tại và của hội CMHS trường.

- Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất ; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

- Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn.

- Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn quốc gia.

### **5. Quá trình hình thành và phát triển.**

Năm 1957 xã đã xây dựng được hệ thống trường lớp tập trung có tên là trường cấp I, II Trục Cường. Quy mô trường cấp I, II Trục Cường ngày càng lớn mạnh. Từ năm học 1989-1990 tách thành 2 phiên hiệu :

- Trường THCS: Đối tượng học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.

- Trường Tiểu học: Đối với học sinh từ lớp 1 đến lớp 5.

Khi chia tách, trường Tiểu học Trục Cường có 2 điểm trường. Điểm trường chính đóng xóm An Khang, 01 điểm trường lẻ đóng tại xóm Long Phú. Từ năm học 2018-2019 trường tập trung giảng dạy và học tập tại điểm trường chính. Trong suốt những năm xây dựng và trường thành trường liên tục là đơn vị Tiên tiến và

Tiên tiến xuất sắc.

- Năm học 1998-1999 :

+ Trường được công nhận Trường chuẩn Quốc gia mức độ I theo Quyết định số 733 /QĐ-BGD&ĐT-TH

+ UBND huyện Trục Ninh công nhận “Trường học có nếp sống văn hoá” theo Quyết định số 204 ngày 28/2/2003.

- Năm học 1999 - 2000: Được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 2550 – 13/11/2000.

- Năm học 2001-2002: Được Bộ trưởng – BGD&ĐT tặng Bằng khen theo Quyết định số 2150 – 25/6/2002.

- Năm học 2009-2010: Trường được Sở GD&ĐT Nam Định công nhận và cấp bằng công nhận Thư viện trường Tiểu học đạt chuẩn theo QĐ số 131/ 2010-QĐ/GĐ-SGDĐT ngày 20/8/2010.

- Năm học 2018 – 2019 Trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ II theo QĐ số 1607/QĐ- UBND ngày 5/8/2019. Năm học 2019-2020 trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định công nhận trường đạt Chuẩn “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn” theo quyết định số 1281/QĐ-SGDĐT ngày 20/8/2020 của sở GD&ĐT Nam Định. Năm học 2016-2017; trường được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận Thư viện Tiên tiến theo Quyết định số 1299/QĐ/SGDĐT của Giám đốc Sở GD&ĐT ngày 9/8/2017.

- Năm học 2017 - 2018 trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận Tập thể lao động Tiên tiến Xuất sắc; Bằng khen - Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 7 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Được Thủ Tướng Chính phủ tặng Bằng khen theo Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 9 tháng 10 năm 2018.

- Năm học 2018 - 2019 trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận Tập thể lao động Tiên tiến Xuất sắc theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2019 UBND tỉnh Nam Định.

- Năm học 2019-2020 trường được UBND huyện Trục Ninh công nhân Tập thể lao động xuất sắc theo Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 UBND tỉnh Nam Định.

- Năm học 2020 - 2021 trường được UBND tỉnh Nam Định tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào giáo dục theo Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 UBND tỉnh Nam Định.

- Năm học 2021 - 2022 trường được UBND tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Nam Định.

- Năm học 2023-2024 trường được UBND huyện Trục Ninh tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 7 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh huyện Trục Ninh.

- Năm học 2024-2025 trường được UBND huyện Trục Ninh tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 3539/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5

năm 2025 của UBND tỉnh huyện Trục Ninh.

- Năm học 2025 - 2026 trường được UBND xã Ninh Cường tặng Giấy khen có thành tích Xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Ninh Cường.

- Ngoài ra, từ năm học 2019-2020 đến nay trường còn được UBND huyện Trục Ninh, sở GD&ĐT tặng nhiều giấy khen khác.

Trường được Sở GD-ĐT tỉnh Ninh Bình, UBND xã Ninh Cường, những người con thành đạt của xã nhà quan tâm về cả tinh thần và vật chất.

## **6. Thông tin chung về người đại diện pháp luật**

Hiệu trưởng: Đinh Tất Đắc

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Xóm An Khang-Trục Cường-Trục Ninh-Nam Định

Gmail: dinhtatdac77@gmail.com

## **7. Tổ chức bộ máy.**

a) Trường Tiểu học Trục Cường được thành lập năm 1989, theo Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 8/8/1989 của UBND huyện Hải Hậu về việc tách trường Phổ thông Cơ sở thành trường Phổ thông cơ sở cấp I và trường Phổ thông Cơ sở cấp II.

b) Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 4833/QĐ-GDDT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Trục Ninh gồm 9 thành viên. Hội đồng trường kết thúc hoạt động từ 01/01/2026.

c) Đồng chí Đinh Tất Đắc -Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND huyện Trục Ninh điều động và bổ nhiệm ngày 25/7/2023 theo QĐ số 2948/QĐ-UBND. Đồng chí Đặng Văn Biên- Phó Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND huyện Trục Ninh điều động và bổ nhiệm ngày 30/10/2023 theo QĐ số 3870/QĐ-UBND

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng nhiệm vụ của nhà trường.

- Vị trí, chức năng: Trường Tiểu học Trục Cường là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn trường được phân công phụ trách...

Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức:

Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Đội TNTP.

Về chuyên môn: Có 03 tổ chuyên môn: Tổ 1; Tổ 2-3; Tổ 4-5 và 01 tổ văn phòng.

### **8. Các văn bản khác của trường Tiểu học Trục Cường.**

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm phù hợp với mục tiêu của GDPT được quy định tại Luật giáo dục mới (Điều 29 Luật giáo dục số 43//2019/QH 14 ngày 14/6/2019 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Ninh Cường nhiệm kỳ 2025 - 2030, Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được UBND xã Ninh Cường phê duyệt.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	
Giáo viên	35	29	0	34	1	0	
Nhân viên	2	2	0	2	0	0	
<b>Cộng</b>	<b>39</b>	<b>31</b>	<b>0</b>	<b>38</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	

### **Số liệu của 5 năm gần đây:**

STT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số giáo viên	31	33	33	36	35
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.41	1.38	1.38	1.44	1.4
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.033	0.034	0.035	0.037	0.036
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	16	16	17	26	26
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	0	0	0

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có diện tích 11 230 m<sup>2</sup>. Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở môi trường yên tĩnh, có lộ giao thông bê tông rộng thuận tiện cho học sinh đến trường, diện tích bình quân 11,55 m<sup>2</sup>/học sinh.

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh che bóng mát cũng như các loại hoa ... Nhà trường có khuôn viên vườn trường sạch đẹp tăng tính thẩm mỹ, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao 2,2m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho cha mẹ học sinh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo về mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học;

Trường đã xây dựng công trình tổng diện tích 2770 m<sup>2</sup>; có sân chơi, bãi tập với diện tích 4500 m<sup>2</sup>, đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo quy định. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, có các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao cho học sinh như: sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân bóng rổ, bể bơi, ..... Tuy nhiên, một số cây mới trồng nên độ bao phủ bóng mát chưa nhiều;

#### 1. Diện tích các phòng làm việc, phòng học:

Diện tích đất	Số lượng ( m <sup>2</sup> )							
Tổng diện tích khuôn viên đất	11 230							
Trong đó: Tổng diện tích đất được cấp	11 230							
Diện tích đất đi thuê (mượn)	0							
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	4500							
Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )
-Phòng học văn hoá	25	1250						
Trong đó: + Số phòng học đủ diện tích và bàn ghế phù hợp tổ chức học nhóm	25	1250						
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập	25	1250						

+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm	25	1250						
-Phòng học tin học	01	60						
-Phòng học ngoại ngữ	01	60						
-Phòng giáo dục thể chất ( đa năng)								
- Hội trường	01							
- Phòng Mĩ thuật								
-Phòng âm nhạc								
-Phòng thư viện	01	60						
-Phòng thiết bị								
-Phòng truyền thống	01	50						
-Phòng Đội								
-Phòng y tế và hỗ trợ học sinh khuyết tật	01	25						
-Phòng Hiệu trưởng	01	25						
-Phòng Hiệu phó	01	25						
-Phòng Hội đồng	1	60						
-Phòng bảo vệ	1	25						
-Phòng kho	01	25						
-Nhà đa năng								
-Phòng bếp, nhà ăn	01	255						
Nhà vệ sinh	Dùng cho GV nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích ( m <sup>2</sup> )
Đạt chuẩn vệ sinh	4	40	4	40	01	60	01	60
Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0	0	0	0
Không có	0	0	0	0	0	0	0	0

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số lớp học	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
<b>I</b>	<b>Khối phòng học tập</b>	<b>26</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>28</b>
<b>1</b>	<b>Phòng học</b>	<b>22</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>25</b>
a	Phòng kiên cố	22	24	24	25	25
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
<b>2</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>

a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Khối phòng hành chính - quản trị</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Khối phòng phụ trợ</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>34</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Đã thực hiện đánh giá ngoài năm 2017. Hằng năm nhà trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

- Có 967/972 = 99,5% các em hoàn thành chương trình lớp học.
- Có 689/972 = 70,9% số học sinh được khen thưởng
- Có 183/183 = 100% số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học
- Kết quả các hội thi, cuộc thi, giao lưu

Nhà trường đã tham gia đầy đủ các hội thi, cuộc thi do Bộ GDĐT, Sở GDĐT, UBND xã Ninh Cường tổ chức. Kết quả:

##### \* Cấp trường

- Hội thi viết chữ đúng và đẹp có 80 học sinh đạt giải trong đó có: 20 nhất; 20 nhì; 20 ba; 20 KK.

- IOE có 10 em đạt giải trong đó có 2 giải nhất; 01 giải nhì; 05 giải ba; 02 giải Khuyến khích

##### \* Cấp xã

+ IOE có 01 em đạt giải Nhì

+ Hội thi TĐTT có 7 học sinh đạt giải nhất, trong đó có 2 giải Cờ vua, 02 giải Bóng bàn; 02 giải chạy cự ly 60m; 01 giải bật xả nữ. Xếp thứ nhất trong xã.

\* Cấp cụm

+ Hội thi viết chữ đúng và đẹp có 5 học sinh đạt giải, trong đó có 02 giải xuất sắc; 02 giải Nhất, 01 giải Nhì.

+ Stem có 02 giải, trong đó có 01 giải nhất, 01 giải nhì.

\* Cấp tỉnh:

+ Hội thi IOE cấp tỉnh 01 giải Ba.

+ Hội thi Tài năng Tiếng Anh có 01 giải KK

+ Hội thi viết chữ đúng và đẹp có 01 giải khuyến khích.

+ Hội thi TĐTT có 03 giải khuyến khích

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai tài chính năm học 2025-2026

DVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số thu nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025		Tổng số chi nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025	
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Số báo cáo	Số xét duyệt
	<b>Tổng số</b>	<b>8.856.076.200</b>	<b>8.856.076.200</b>	<b>8.856.076.200</b>	<b>8.856.076.200</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</b>	<b>8.033.725.200</b>	<b>8.033.725.200</b>	<b>8.033.725.200</b>	<b>8.033.725.200</b>
1	Lương theo ngạch bậc	4.016.053.298	4.016.053.298	4.016.053.298	4.016.053.298
2	Tiền công trả cho bị trí LĐHĐ	183.994.527	183.994.527	183.994.527	183.994.527
3	Phụ cấp chức vụ	53.918.280	53.918.280	53.918.280	53.918.280
4	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	150.512.321	150.512.321	150.512.321	150.512.321
5	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.385.544.213	1.385.544.213	1.385.544.213	1.385.544.213
6	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	21.996.000	21.996.000	21.996.000	21.996.000
7	Phụ cấp thâm niên vượt khung, PCTN nghề	851.108.612	851.108.612	851.108.612	851.108.612
8	Các khoản đóng góp:	1.112.058.601	1.112.058.601	1.112.058.601	1.112.058.601
	Bảo hiểm xã hội	873.812.874	873.812.874	873.812.874	873.812.874
	Bảo hiểm y tế	147.565.494	147.565.494	147.565.494	147.565.494
	Kinh phí công đoàn	39.331.735	39.331.735	39.331.735	39.331.735
	Bảo hiểm thất nghiệp	51.348.498	51.348.498	51.348.498	51.348.498

9	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	33.462.000	33.462.000	33.462.000	33.462.000
10	Tiền điện	36.810.428	36.810.428	36.810.428	36.810.428
11	Vật tư văn phòng	39.507.520	39.507.520	39.507.520	39.507.520
12	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	26.863.000	26.863.000	26.863.000	26.863.000
13	Hội nghị	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
14	Công tác phí	15.800.000	15.800.000	15.800.000	15.800.000
15	Chi phí thuê mướn	10.260.400	10.260.400	10.260.400	10.260.400
16	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các	49.336.000	49.336.000	49.336.000	49.336.000
17	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
18	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
<b>II</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ</b>	<b>403.580.000</b>	<b>403.580.000</b>	<b>403.580.000</b>	<b>403.580.000</b>
1	Vật tư văn phòng	250.000	250.000	250.000	250.000
2	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	14.430.000	14.430.000	14.430.000	14.430.000
3	Chi phí thuê mướn	13.250.000	13.250.000	13.250.000	13.250.000
4	Các thiết bị công nghệ thông tin	16.850.000	16.850.000	16.850.000	16.850.000
5	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	294.150.000	294.150.000	294.150.000	294.150.000
6	Chi khác	45.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000
7	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	19.650.000	19.650.000	19.650.000	19.650.000
<b>III</b>	<b>Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (nguồn 18)</b>	<b>418.771.000</b>	<b>418.771.000</b>	<b>418.771.000</b>	<b>418.771.000</b>

## 2. Các khoản thu, chi, số dư nguồn thu đối với người học năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Dư đầu năm học 2025-2026	Thu trong 2025-2026	Chi trong 2025-2026	Dư 31/5/2026
1	Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh học sinh	0	154.476.000	154.476.000	0

2	Tiền nước uống cho học sinh	0	86.220.000	86.220.000	0
3	Học kỹ năng sống	0	344.448.000	342.049.379	2.398.621
4	Tiền quản lý bán trú	0	322.830.000	322.830.000	0
5	Tiền nuôi ăn bán trú	0	1.183.710.000 0	1.183.710.000 0	0
6	Trang thiết bị đầu vào bán trú	0	20.500.000	20.500.000	0
7	Dịch vụ làm mát bằng điều hoà, cung cấp nước nóng (nóng lạnh)	0	76.960.000	76.960.000	0
8	Tiền BHYT học sinh		621.112.000	621.112.000	
9	Vận động tài trợ ( XHHGD)		191.185.000	191.185.000	
<b>Cộng chẵn</b>		<b>0</b>	<b>3.001.441.000</b>	<b>2.999.042.379</b>	<b>2.398.621</b>

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Ban hành kế giáo dục số 02/KH-THTC ngày 29 tháng 8 năm 2025; Kế hoạch số 35/KH-THTC ngày 15/9/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học.

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 lớp 4 và lớp 5 theo các văn bản hướng dẫn.

-Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống; tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5

### Công tác giáo dục toàn diện

Tổ chức có hiệu quả các cuộc thi, hội thi

Cấp trường: Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Thi Thể dục thể thao; Giao lưu văn nghệ; Tài năng tiếng Anh đối với học sinh lớp 4, 5; Thi Viết chữ đúng và đẹp lớp 1, 2, 3, 4, 5; ngày hội giáo dục STEM. Các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Cấp xã:

- Đối với giáo viên: Thể dục thể thao

-Đối với học sinh: Tài năng Tiếng Anh Tiểu học, Thể dục thể thao

- Các cuộc thi khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Cấp tỉnh: Tài năng Tiếng Anh Tiểu học; Tuyên dương học sinh Viết chữ đúng và đẹp lớp 1, 2, 3, 4, 5; Thể dục thể thao

Cấp quốc gia: Cuộc thi “Chiếc ô tô mơ ước”; An toàn giao thông cho nụ cười

trẻ thơ,.....

### 3. Công tác Phổ cập giáo dục xoá mù chữ

a) Về quy mô phát triển :

Số lớp: 25; Số học sinh: 972, tăng so với năm học trước: 10 HS. Trong đó:

Khối	Số lớp	Số HS	Số nữ	Học 2 buổi/ngày	HS khuyết tật	BQHS/lớp	HS có HCKK
1	5	184	98	184	01	37	5
2	5	202	105	202	0	41	7
3	5	213	96	213	03	42	9
4	5	190	101	190	01	38	6
5	5	183	79	183	04	37	7
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>972</b>	<b>479</b>	<b>972</b>	<b>9</b>	<b>39</b>	<b>34</b>

b) Về phổ cập :

+ Học sinh:

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 184 HS

Số lượng: 184/184 Tỷ lệ: 100 %

- Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học:

Số lượng: 183/183 Tỷ lệ: 100 %

- Học sinh học 9-10 buổi/tuần:

Số lượng: 972/972 Tỷ lệ: 100 %

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tổng số 39 CB, GV, NV được chia ra.

STT	CB-GV-NV	Tổng số	Nữ	ĐV	Trình độ				Hợp đồng
					Th.s	ĐH	CD	TC	
<b>1</b>	<b>CBQL</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>		<b>2</b>			
	Hiệu trưởng	1	0	1		1			
	Phó Hiệu trưởng	1	0	1		1			
<b>2</b>	<b>GIÁO VIÊN</b>	<b>35</b>	<b>29</b>	<b>22</b>		<b>35</b>			
	GV văn hóa	27	23	18		27			
	GV Âm nhạc	1	1	0		1			
	GV Mĩ thuật	1	0	0		1			
	GV GDTC	2	1	1		2			
	GV Tiếng Anh	3	3	2		3			
	GV Tin học	1	1	1		1			
<b>3</b>	<b>NHÂN VIÊN</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		<b>1</b>		<b>2</b>	<b>1</b>
	Kế toán	1	1			1			Liên trường
	Y tế	1	1	1				1	
	Văn phòng	1	1					1	01009

Thư viện	0	0						
<b>CỘNG</b>	<b>40</b>	<b>32</b>	<b>25</b>		<b>38</b>		<b>2</b>	<b>1</b>

- Tỷ lệ phòng học/lớp:  $25/25 = 100\%$

- Phòng chức năng: Ban giám hiệu 2, Hội đồng, Thư viện, Y tế + Hỗ trợ HS KT, Truyền thống và Đội, Thiết bị, Tin học, Tiếng Anh, phòng Khoa học và Công nghệ, Bảo vệ, Kho và thiết bị.

- Khu vệ sinh riêng: giáo viên: 2 ; học sinh: 2

#### **4. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường Xanh-Sạch-Đẹp - An toàn, thư viện tiên tiến.**

- Tiếp tục huy động nguồn lực xã hội hoá để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học, nâng cao chất lượng trường tiểu học nhằm đảm bảo duy trì hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và tiếp tục bổ sung các hạng mục về cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn quốc gia, trường tiểu học đạt Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn, thư viện chuẩn 2.

- Phát huy cơ sở vật chất của trường chuẩn quốc gia mức độ 2 để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

#### **5. Công tác bồi dưỡng đội ngũ**

- Bố trí thời gian, hỗ trợ kinh phí cho 1 đồng chí giáo viên đi học Thạc sĩ.

- Tăng cường kỷ cương, nề nếp trường học, cán bộ giáo viên và nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định tiêu chuẩn đạo đức nhà giáo.

- Nhà trường bố trí chuyên môn hợp lý và lập kế hoạch tạo điều kiện, động viên bố trí cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đào tạo. 100% số giáo viên tham dự đầy đủ các lớp tập huấn theo sự chỉ đạo của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Mỗi giáo viên đều có kế hoạch và có tinh thần tự giác thực hiện việc tự học tập bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho bản thân.

#### **6. Công tác kiểm tra, thi đua khen thưởng**

- Quán triệt tới từng giáo viên các Thông tư hướng dẫn đánh giá học sinh, đánh giá giáo viên.

- Thành lập Ban kiểm tra nội bộ trong nhà trường, xây dựng quy chế khen thưởng cụ thể, tạo tâm lý thi đua phấn khởi trong dạy và học.

- Lên kế hoạch cụ thể các đợt kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất, khảo sát chất lượng của các lớp.

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm tình hình năm học, xây dựng các tiêu chí thi đua trên tất cả các lĩnh vực (Có nội dung cụ thể kèm theo)

- Nhà trường tổ chức họp triển khai cụ thể tới từng thành viên. Kết hợp đánh giá thi đua với việc đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, theo đúng quy định

- Căn cứ vào hiệu quả công việc để đánh giá, điều chỉnh và thúc đẩy các hoạt động, thông qua công tác thi đua động viên khích lệ sự cố gắng nỗ lực của từng thành viên để thúc đẩy thi đua dạy tốt - học tốt.

## 7. Công tác truyền thông

Nhà trường đã làm tốt công tác truyền thông Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 ngày 21/11/2017; Nghị quyết 51/2017/QH14; Thông tư 32/2018/TTBGDĐT ngày 26/12/2018; Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về đổi mới Chương trình GDPT 2018, tổ chức triển khai thực hiện 01 bộ SGK trong toàn Quốc. Ban giám hiệu làm tốt công tác triển khai chủ trương, văn bản liên quan đến việc thực hiện chương trình phổ thông 2018 lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách đổi mới của giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành

- Tổ chức cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia học tập các lớp bồi dưỡng về chương trình GDPT 2018.

- Nhà trường nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chủ động tham mưu, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp.

- Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục như: Tuyên truyền tới CMHS và các tầng lớp xã hội các ban ngành đoàn thể qua các cuộc họp với UBND xã, các tổ chức chính trị, kinh tế xã hội, trưởng các ban ngành trong địa phương, họp BDD hội CMHS.

- Ban giám hiệu, giáo viên chủ động viết, đưa tin bài về các hoạt động của nhà trường, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của nhà trường. Phối hợp với đài truyền thanh địa phương tuyên truyền về chủ trương của các cấp về đổi mới Chương trình GDPT 2018. .... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng thu hút sự quan tâm, ủng hộ trong cha mẹ học sinh.

### Nơi nhận:

- Đảng uỷ-HĐND-UBND;
- Phòng VH-XH;
- Trang Web nhà trường (để công khai)
- Các tổ khối chuyên môn; (để thực hiện)
- Lưu VP./.

} Để  
báo  
cáo

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đinh Tất Đắc**